

Bản án số: 09/2022/DS-ST  
Ngày: 29 - 3 - 2022  
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Hải Nam và ông Trương Quang Huy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022; tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 11/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (S).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Lầu 8, 26.-26. N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Quảng Bình. (Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020).

Địa chỉ: 05 Q, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người được ủy quyền: Ông Trương Xuân Th, chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Quảng Bình. (Theo Giấy ủy quyền số 331/2021/GUQ-CNQB ngày 29/9/2021). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2021, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 10/5/2019, anh Nguyễn Văn D có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, gọi chung là hợp

đồng). Căn cứ điều kiện thu nhập của anh D, S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân cho anh Nguyễn Văn D. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh Nguyễn Văn D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 63.900.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng từ ngày kích hoạt đến nay, anh D đã thanh toán cho S số tiền 47.300.000 đồng bao gồm tiền gốc, lãi và các loại phí. Do anh Nguyễn Văn D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 22/9/2021, S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh D và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 26 bản điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Tính đến ngày 28/9/2021, anh Nguyễn Văn D còn nợ S tổng số tiền 57.726.071 đồng, trong đó nợ gốc là 57.205.501 đồng, lãi quá hạn 520.570 đồng.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 17/11/2021, đại diện theo ủy quyền của S trình bày: Tính đến ngày 17/11/2021, anh Nguyễn Văn D còn nợ S tổng số tiền 61.518.796 đồng, trong đó nợ gốc là 57.205.501 đồng, lãi quá hạn 4.313.295 đồng. Nếu anh Nguyễn Văn D trả một lần số tiền 50.000.000 đồng thì S sẽ miễn toàn bộ tiền lãi.

Tại văn bản số 427/CV-CNQB ngày 24/11/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày về cách tính dư nợ của khách hàng vay sử dụng thẻ tín dụng: Tại phần giải thích thuật ngữ ở điểm 1.9 trong điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cá nhân do anh Nguyễn Văn D ký kết với S quy định dư nợ là số tiền mà chủ thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị các giao dịch, lãi và phí liên quan đến việc sử dụng thẻ. Tại điểm 26.4 Điều 24 bản điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quy định khi vi phạm xảy ra chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng S có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: Tạm ngưng hoặc chấm dứt sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ; Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của S. Sau 75 ngày kể từ ngày lập thông báo giao dịch hoặc sau 03 (ba) kỳ thông báo giao dịch liên tiếp, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu, S sẽ chấm dứt việc sử dụng của chủ thẻ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của S nộp bảng kê tính lãi thẻ tín dụng của anh Nguyễn Văn D, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn D trả nợ cho S số tiền 71.186.497 đồng, trong đó nợ gốc là 57.205.501 đồng, lãi quá hạn số tiền 13.980.996 đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn D: Tại bản tự khai ngày 01/11/2021, anh D thừa nhận anh có ký hợp đồng sử dụng thẻ và các nội dung như đại diện S đã trình bày, lý do anh chưa trả được nợ là do dịch bệnh, làm ăn thua lỗ; anh D hứa sẽ trả cho S mỗi tháng 5.000.000 đồng, việc thanh toán bắt đầu từ tháng 12/2021. Tại phiên hòa giải ngày 17/11/2021, anh Nguyễn Văn D trình bày: Ngân hàng khởi kiện buộc anh phải trả số tiền tính đến ngày 17/11/2021 là 61.518.796 đồng, trong đó nợ gốc là 57.205.501 đồng, lãi quá hạn 4.313.295 đồng là không đúng, anh không đồng ý vì anh vay nợ gốc 50.000.000 đồng; đề nghị ngân hàng cho anh trả dần số nợ gốc 50.000.000 đồng, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc và xin miễn toàn bộ lãi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng” thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đăng ký thường trú tại xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/5/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định anh Nguyễn Văn D đã được S cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm làm thẻ: 2,6%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, anh D đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 63.900.000 đồng, anh D đã thanh toán cho S số tiền 47.300.000 đồng. Do anh D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 22/9/2021, S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh D, thông báo nợ quá hạn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Đối với ý kiến của anh D chỉ chấp nhận nợ gốc 50.000.000 đồng, không đồng ý nợ gốc số tiền 57.205.501 đồng ngân hàng yêu cầu trả nợ: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng anh D ký kết với S ngày 10/5/2019, tại phần cam kết anh D đã xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S, trong đó tại điểm 1.9 mục 1 và điểm 26.4 mục 26 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân quy định về lãi suất, quyền của ngân hàng khi chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ. Hội đồng xét xử xác định, do anh Nguyễn Văn D vi phạm thỏa thuận ghi trong hợp đồng thẻ tín dụng và điều kiện điều khoản phát hành, sử dụng thẻ tín dụng; vì vậy, S yêu cầu Tòa án buộc anh D phải thanh toán cho S tổng số tiền 71.186.497 đồng, trong đó nợ gốc 57.205.501 đồng, nợ lãi 13.980.996 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/3/2022) và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có cơ sở, cần được chấp nhận, phù hợp với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/5/2019) được ký kết giữa S và anh Nguyễn Văn D; phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; các Điều 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng TMCP S, buộc anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là 71.186.497đ (Bảy mươi một triệu một trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 57.205.501đ (Năm mươi bảy triệu hai trăm linh năm nghìn năm trăm linh một đồng), nợ lãi số tiền 13.980.996đ (Mười ba triệu chín trăm tám mươi nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/3/2022.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng anh Nguyễn Văn D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết ngày 10/5/2019.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

2/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.559.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.443.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0004260 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/3/2022); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc ngày niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)  
Nguyễn Ngọc Sơn**





